

Số: 22 /TB-TrMN

Diễn Hoa, ngày 10 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2025

Thực hiện quy định về Công tác công khai- dân chủ trong trường học.
Hiệu trưởng trường mầm non Diễn Hoa Thông báo về việc niêm yết công khai.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước ;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ Thông thư 09/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017 – BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Thông thư 09/2024/TT-BTGD&ĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

1) Nội dung công khai :

- Công khai dự toán ngân sách năm 2025 theo QĐ số 33/QĐ-TC.KH ngày 03/01/2025 của UBND huyện Diễn Châu.

2) Hình thức Công khai :

- Nhà trường tổ chức niêm yết công khai dự toán ngân sách được giao năm 2025 của nhà trường tại bảng công khai trên trang Website của nhà trường (có quyết định giao dự toán photo kèm theo)

- Các ý kiến được đóng góp trực tiếp với Ban giám hiệu hoặc thông qua; qua Công đoàn nhà trường hoặc qua hòm thư góp ý của trường.

3) Thời gian công khai :

- Từ 8 h00 ngày 10 tháng 02 năm 2025 đến 8h00' ngày 10/03/2025 ; thời gian 30 ngày kể từ ngày công khai.

Nếu sau thời gian trên nhà trường không nhận được ý kiến đóng góp nào thì nhà trường sẽ kết thúc Công khai.

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Hòa

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29/08/2019 của Bộ Tài chính)

Biểu mẫu 02**Đơn vị: Trường MN Diễn Hoa****Chương: 622****DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo TB số 22/TB-TrMN ngày 10/ 02/ 2025)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1,1	Lệ phí	
1,2	Học phí: tổng cộng	304.320.628
1.2.1	Học phí dư năm 2024 chuyển sang	26.220.628
1.2.2	Học phí thu trong năm	278.100.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	304.320.628
1	Chi sự nghiệp giáo dục	304.320.628
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	304.320.628
6000	Tiền lương: 40% trả lương	111.240.000
6050	Công trả cho người lao động thường xuyên	43.200.000
6200	tiền thưởng	3.000.000
6550	Vật tư văn phòng(mua sắm công cụ dụng cụ)	3.500.000
6650	Hội nghị	3.000.000
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	25.000.000
6700	Công tác phí	3.000.000
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	85.380.628
7750	Chi khác	12.000.000
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	15.000.000
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3,1	Lệ phí	
3,2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3,1	13- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.756.479.000
6000	Tiền lương	3.220.099.000
6050	Tiền công trả cho người lao động theo vị trí việc làm	115.000.000
6100	Phụ cấp lương	85.000.000
6150	Học bổng, hỗ trợ	15.000.000
6200	Tiền thưởng	20.000.000
6300	Các khoản đóng góp	980.000.000
6400	Tiền ăn	25.000.000
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	20.000.000
6550	Vật tư văn phòng	15.000.000
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	15.000.000
6650	Hội nghị	2.000.000
6700	Công tác phí	10.000.000
6750	Chi phí thuê mướn	5.000.000
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	70.000.000
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	10.000.000
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	60.000.000
7750	Chi khác	19.380.000
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	70.000.000
3,2	12- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	125.658.000
	KP hỗ trợ trẻ ăn trưa theo ND 105/2020/ND-CP	16.560.000
	KP hỗ trợ người khuyết tật theo thông tư 42/2013/TTLT	16.848.000
	KP hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù miễn giảm học phí theo ND 81/2021/ND-CP	92.250.000
3,3	18- Kinh phí thường xuyên	169.356.000